

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 22/9/2022  
V/v “Ly hôn giữa chị T với anh G”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Phi.***

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

**1. Ông Bùi Tuấn Khanh.**

**2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.**

***- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Minh Quyền - Cán bộ  
Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên  
toà: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.***

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

***\* Nguyên đơn: Thái Thị Ngọc T, sinh năm 1985 (Vắng mặt).***

***Địa chỉ: Ấp Bình Điền, xã BN, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.***

***\* Bị đơn: Nguyễn Trường G, sinh năm 1985 (Vắng mặt).***

***Địa chỉ: Số 14/1, ấp Long Hòa 2, xã LÐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn xin ly hôn ngày 16/3/2022, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Thái Thị Ngọc T trình bày như sau:***

Chị T và anh Nguyễn Trường G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LÐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 9 năm 2021 vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh G có quan hệ với người phụ nữ khác, chị T cố gắng hàn gắn thuyết phục anh G để xây dựng lại gia đình nhưng không có kết quả. Hiện tại, chị T không còn tình cảm với anh G nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thái G Trường, sinh ngày 27/12/2013 và Nguyễn Thị Thiên Kim, sinh ngày 10/9/2015. Hiện nay, cháu Trường và cháu Kđang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trường và cháu Kim. Chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh Nguyễn Trường G từ chối tham gia tố tụng, bất hợp tác với Tòa án, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến gì thể hiện quan điểm trong vụ án ly hôn giữa chị Thái Thị Ngọc T với anh Nguyễn Trường G

*\* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Thái Thị Ngọc T thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn Nguyễn Trường G không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thái Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn Trường G.

Về nuôi con chung: Chị Thái Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái G Trường, sinh ngày 27/12/2013 và cháu Nguyễn Thị Thiên Kim,

sinh ngày 10/9/2015, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trường và cháu K(Trên 07 tuổi).

Ghi nhận việc chị Thái Thị Ngọc T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Trường G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, anh G cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Thái Thị Ngọc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Nguyễn Trường G đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó xét xử vắng mặt chị T và anh G là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Thái Thị Ngọc T và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về Nội dung vụ án: Chị Thái Thị Ngọc T và anh Nguyễn Trường G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do do thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh G nhiều lần đến Tòa để tham gia hòa giải, xét xử vụ án nhưng anh G vắng mặt không có lý do, không có thiện chí hàn gắn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh G có 02 con chung tên là Nguyễn Thái G Trường, sinh ngày 27/12/2013 và Nguyễn Thị Thiên Kim, sinh ngày 10/9/2015. Xét thấy, cháu Trường và cháu Ksống chung với chị T từ nhỏ, được chị T nuôi dưỡng và phát triển bình thường, khỏe mạnh nên cần tiếp tục giao cháu Trường và cháu Kcho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trường và cháu Ktrên 07 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T nuôi con chung không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, anh G cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thái Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Thái Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn Trường G.

Cho ly hôn giữa chị Thái Thị Ngọc T với anh Nguyễn Trường G.

**2.** Về nuôi con chung: Chị Thái Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thái G Trường, sinh ngày 27/12/2013 và Nguyễn Thị Thiên Kim, sinh ngày 10/9/2015, phù hợp với nguyện vọng của cháu Trường và cháu K (Trên 07 tuổi).

Ghi nhận việc chị Thái Thị Ngọc T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Trường G cấp dưỡng nuôi con.

Anh G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Không có nên không xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:**

Chị Thái Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006167 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Vậy, chị Thái Thị Ngọc T đã nộp xong án phí.

Các đương sự chị Thái Thị Ngọc T, anh Nguyễn Trường G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Ủy ban nhân dân xã LĐ;  
(Số 60, quyền 1 ngày 31/10/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Nguyễn Đăng Phi**